

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Những vấn đề chung

Tên ngành đào tạo: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 8310110

Tên tiếng Anh: ECONOMIC MANAGEMENT

Khoa (bộ môn): Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Định hướng đào tạo:- Ứng dụng

- Nghiên cứu

Bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Kinh tế (Đối với định hướng ứng dụng)

Thạc sĩ khoa học (đối với định hướng nghiên cứu)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.

Kết thúc khóa đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế người học được định hướng hoạt động tại các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị công với tư cách là chuyên gia tư vấn kinh tế hoặc nhà quản lý ở các cấp khác nhau; Nhận dạng và giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực hữu hạn của tổ chức; Làm chủ các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định để đương đầu với các biến động thường nhật của môi trường kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

**** Theo định hướng ứng dụng:***

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng được thiết kế nhằm đào tạo các thạc sĩ có kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tổ chức thực thi chính sách quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào việc thực hiện các công việc quản lý cụ thể.

**** Theo định hướng nghiên cứu:***

Kết thúc khóa đào tạo thạc sĩ khoa học ngành Quản lý kinh tế, người học có trình độ chuyên môn sâu về quản lý kinh tế, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng tự nghiên cứu những tri thức, kiến thức tiên tiến, mang tính cập nhật cao trong khoa học về quản lý kinh tế.

Thạc sĩ khoa học ngành Quản lý kinh tế sau khi tốt nghiệp có khả năng phát huy và phát triển cao năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo của mình tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong và ngoài nước.

3. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu,

người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu ra (Learning outcomes)

4.1. Yêu cầu về kiến thức (Knowledge)

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1 (1.1)	Nắm vững, tích lũy và nâng cao những kiến thức, năng lực chuyên môn về khoa học quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.
2	CDR2 (1.2)	Am hiểu các qui luật chung và đặc điểm riêng của các lĩnh vực kinh tế liên quan đến nghề nghiệp của học viên; Hiểu và ứng dụng được kiến thức để phân tích, luận giải các chính sách, các hoạt động quản lý kinh tế
3	CDR3 (1.3)	Có khả năng phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc trong hoạt động quản lý kinh tế. Có kiến thức và năng lực về quản lý, lãnh đạo ở quy mô một tổ chức kinh tế cũng như quy mô quản lý cấp quốc gia, tỉnh, huyện
4	CDR4 (1.4)	Có tư duy phản biện, có kiến thức và năng lực để phân tích, đánh giá các vấn đề về quản lý kinh tế trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế
5	CDR5 (1.5)	Làm chủ kiến thức lý thuyết và năng lực chuyên môn của chuyên ngành, hình thành và phát triển ý tưởng khoa học mới, có năng lực khám phá và thử nghiệm kiến thức mới về quản lý kinh tế

4.2. Yêu cầu về kỹ năng (Skills)

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CDR6 (2.1)	Có kỹ năng phát hiện, đánh giá, phản biện được các vấn đề về quản lý kinh tế, có kỹ năng nghiên cứu độc lập, áp dụng lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chính sách quản lý kinh tế
2	CDR7 (2.2)	Có kỹ năng tư duy, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế, tổ chức, điều hành các nhóm công tác để hoàn thành tốt mục tiêu trong điều kiện áp lực cao.
3	CDR8 (2.3)	Có kỹ năng phân tích và ra quyết định quản lý, lãnh đạo trong các tổ chức kinh tế, cơ quan quản lý từ cấp trung ương đến địa phương ở tầm

		Vĩ mô và Vi mô.
4	CĐR9 (2.4)	Có kỹ năng sử dụng tốt các công cụ quản lý tiên tiến
5	CĐR10 (2.5)	Có kỹ năng tốt trong làm việc nhóm, giao tiếp, xử lý tình huống, tư vấn, đàm phán và diễn thuyết
6	CĐR 11 (2.6)	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Autonomy competence and Responsibility)

Học viên cao học sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành quản lý kinh tế phải đảm bảo mức tự chủ và trách nhiệm theo bảng 3.

Bảng 3: Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

TT	Mã CĐR	Tên chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm
1	CĐR12 (3.1)	Có năng lực lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
2	CĐR13 (3.2)	Có năng lực hoạch định, xây dựng, tổ chức thực hiện các quyết định và chính sách trong quản lý kinh tế và các đơn vị.
3	CĐR14 (3.3)	Có năng lực sáng tạo và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo
4	CĐR15 (3.4)	Có khả năng ứng dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong triển khai, tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước
5	CĐR16 (3.5)	Ứng dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trong lãnh đạo, quản lý, xây dựng và thẩm định chiến lược, kế hoạch phát triển các tổ chức kinh tế-xã hội, hoạt động triển khai, đánh giá hoạt động quản lý kinh tế các cấp
6	CĐR17 (3.6)	Có kỹ năng và tự tin xử lý tốt các tình huống đặt ra của quản lý kinh tế trong bối cảnh đất nước hội nhập và toàn cầu hóa phức tạp hiện nay
7	CĐR18 (3.7)	Tuân thủ quy định của pháp luật: Nhận thức đúng đắn và gương mẫu, thực hiện các hành vi phù hợp với qui định của pháp luật
8	CĐR19 (3.8)	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp: Yêu thích và tâm huyết với nghề nghiệp, trung thực, tự chủ, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm trong công

		việc, ý thức kỷ luật cao.
9	CĐR 20 (3.9)	Quyết định dựa trên nền tảng đạo lý: Ra quyết định quản lý trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, chuẩn mực xã hội, lợi ích quốc gia và cộng đồng
10	CĐR 21 (3.10)	Tinh thần phục vụ cộng đồng: Nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, vươn lên và tinh thần phục vụ cộng đồng.

4.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Chuyên viên hoạch định chính sách, lãnh đạo tại các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, cơ quan các cấp, bộ ngành. Có khả năng nghiên cứu, hoạch định và xây dựng các chính sách quản lý kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô theo hướng nâng cao hiệu quả của các chính sách trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập thế giới.

Nhóm 2: Chuyên viên tư vấn, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển cho các tổ chức kinh tế - xã hội, doanh nghiệp thuộc khu vực công và khu vực tư: có kỹ năng tư vấn, thiết kế chiến lược, kế hoạch cho các tổ chức công và tư phát triển.

Nhóm 3: Nghiên cứu viên và giảng viên: có kỹ năng tổng hợp lý luận, khả năng nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực đào tạo và có thể nhận công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo các cấp đến cử nhân.

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ trình độ lý thuyết và năng lực để đảm nhận các vị trí quản lý tổ chức, nhân lực hành chính, quản trị văn phòng của các cơ quan Đảng, nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp nhà nước, trở thành nhà quản trị cấp cao trong tương lai. Có thể nghiên cứu giảng dạy ngành Quản lý kinh tế tại các Học viện, trường đại học, cao đẳng.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: Theo định hướng ứng dụng: 60 TC

Theo định hướng nghiên cứu: 60 TC

Thời gian đào tạo: 1,5 - 2,0 năm đối với hình thức đào tạo chính quy và 2,5 năm đối với hình thức vừa làm vừa học.

5.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Nội dung		Định hướng ứng dụng (60TC)	Định hướng nghiên cứu (60 TC)
Phần 1. Nhóm các học phần bắt buộc	Học phần học chung: Triết học	3	3
	Các học phần cơ sở và chuyên	24	20

	ngành thiết yếu		
Phần 2. Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH		18	22
Phần 3. Thực tập + Đề án tốt nghiệp hoặc Luận văn Thạc sĩ		15	15

6. Khối lượng kiến thức

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60 TC)	Định hướng nghiên cứu (60 TC)
		Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh		
5.1	Nhóm các học phần bắt buộc			27	23
24	<i>Các học phần học chung</i>			3	3
1	8020101	Triết học	Philosophy	3	3
5.1.2	<i>Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu</i>			24	20
1	8070201	Quản lý chiến lược	Strategic management	3	3
2	8070301	Quản lý dự trữ hàng hóa	Commodity reserves management	2	2
3	8070101	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative analysis for economic management	3	0
4	8070302	Dự báo kinh tế	Economic Forecast	2	2
5	8070303	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao	Advanced project management for investment on constrution	3	3
6	8070401	Tổ chức nguồn lực tài chính	Organizing Financial resources	3	3
7	8070404	Pháp luật kinh doanh	Business Law	3	3
8	8070104	Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế	Information system in Economic Management	2	2
9	8070102	Quản lý nhà nước về kinh tế	State Management of the Economy	3	2
6.2	Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH			18	22
6.2.1	Các học phần tự chọn			18	10
1	8070305	Các phương pháp thẩm định giá trị tài sản và doanh nghiệp	Methods for evaluating assets and corporate values		2
2	8070103	Quản trị kinh doanh quốc	International business	2	2

		tế	management		
3	8070402	Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường	Building structural capital of enterprises in market economy	2	2
4	8070202	Tâm lý học trong quản lý kinh tế	Psychology in Economics Management	2	2
5	8070306	Kỹ thuật Marketing nâng cao	Advanced Marketing Technique	2	2
6	8070410	Quản lý tài chính công	Public finance Management	2	2
7	8070307	Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế	Optimal problem in economic management	2	2
8	8070204	Kinh tế học lao động	Labor economics	2	2
9	8070308	Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế	Enviromental Economics and Management	2	0
10	8070304	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resource and environment management	2	0
11	8070203	Quản lý chi phí	Cost management	2	2
12	8070411	Các định chế tài chính	The financial institutions	2	2
13	8070205	Quản lý sự thay đổi và khủng hoảng của các tổ chức	Organizations' Changes and Crisis Management	2	2
14	8070405	Quản lý Ngân sách Nhà nước	State budget Management	2	2
15	8070406	Quản lý Kho bạc Nhà nước	Management of the State Treasury	2	2
16	8070407	Quản lý Thuế	Tax management	2	2
17	8070408	Quản lý tài sản công	Management of public assets	2	2
18	8070409	Tiền tệ ngân hàng	Monetary banking	2	2
19	8070206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research Methods in Economics	2	0
20	8070309 (đề nghị BS mã)	Kinh tế học Biến đổi khí hậu	The Economics of Climate Change	2	0
21	8040201	Nghiên cứu và dự báo định lượng tài nguyên khoáng sản	Quantitative mineral resource assessments	2	2
22	8100107	Các biện pháp nâng cao	Methods to increase the	2	2

		hiệu quả xây dựng công trình ngầm	efficiency of underground construction		
23	8050605	Hệ thống quản lý biến động đất đai	System of land change updating management	2	2
24	8040606	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất	Management and protection of underground water	2	2
25	8050706	Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch	Establishing and use map in tourism	2	2
26	8050705	Thành lập và sử dụng bản đồ trong lĩnh vực môi trường	Environmental mapping	2	2
27	8050703	Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ	Research methodology by map	2	2
28	8050305	Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo ảnh	Application of GNSS Technology for Photogrammetry	2	2
29	8050306	Kỹ thuật LIDAR	Lidar Technology	2	2
30	8050309	Mô hình số độ cao	Digital Elevation Model	2	2
31	8040508	Phương pháp đánh giá chất lượng và gia cố khối đá	Method of evalution and reinforcement of rock mass	2	2
32	8040509	Sự cố công trình xây dựng và các giải pháp xử lý	Foundation failures, causes and counter measures	2	2
33	8090503	Quy hoạch thực nghiệm	Empirical planning	2	2
34	8090504	Độ tin cậy máy, thiết bị mỏ và dầu khí	The reliability of machine and mining equipment, oil and gas	2	2
35	8090507	Phương pháp vận tải bằng đường ống	Method of pipe transportation	2	2
36	8090512	Lý thuyết nâng cao trong nghiên cứu thiết kế máy, thiết bị mỏ và dầu khí	Advanced theory in the study designing for machines and equipment of mining and oil-gas fields	2	2
37	8060122	Ứng dụng địa vật lý trong khoáng sản và môi trường	Application of geophysical exploration for mineral resources and environment	2	2

38	8060120	Các thành tựu mới trong Địa chất - Địa vật lý Dầu khí và biển	Geology-Geophysics advances in petroleum and marine	2	2
39	8060315	Công nghệ mới trong chế biến dầu khí	Advanced Technologies in Oil Refining and Gas Processing	2	2
40	8060316	Kiểm soát môi trường trong công nghiệp dầu khí	Environment Control in Oil and Gas Industry	2	2
41	8060317	Nhiên liệu sạch	Clean Fuel Technology	2	2
42	8060314	Năng lượng xanh	Green Energy	2	2
43	8030407	Phát triển bền vững công nghiệp chế biến và sử dụng khoáng sản	Sustainable development of processing industry and the utilization of minerals	2	2
44	8030413	Xử lý quặng bằng phương pháp nhiệt	Theory of Pyrometallurgical processes	2	2
45	8030402	Kỹ thuật mới trong tuyển bằng phương pháp vật lý	Advances in Physical separation methods	2	2
46	8100104	Ổn định và bền vững công trình ngầm	Stability and sustainability of the underground construction	2	2
47	8100114	Bảo vệ môi trường trong xây dựng, sử dụng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt	Environmental protection in building and using underground, mining and special constructions	2	2
48	8100112	Quy hoạch mặt bằng và công trình bề mặt phục vụ cho xây dựng, sử dụng công trình ngầm	Site and construction planning surface in building and using underground construction	2	2
49	8100116	Những tiến bộ trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp lộ thiên	Advances in underground construction by open-cast methods	2	2
50	8030502	Một số phương pháp giải các bài toán biên	Some methods to resolving boundary problems	2	2
51	8090102	Tổ chức cung cấp điện	Electric power supply structuring	2	2
52	8090111	Quy hoạch và quản lý lưới điện	Power Grid Planning and Managing	2	2

53	8090105	Kỹ thuật an toàn điện và phòng cháy nổ	Safety techniques to prevent electrical shock and explosion-proof underground mines	2	2
54	8090208	Tin học công nghiệp nâng cao	Industrial Informatics Advanced	2	2
55	8090311	Điện tử ứng dụng trong công nghiệp mỏ	Application of Electronic in Mining Industry	2	2
56	8090210	Mô hình hóa đối tượng nhiều biến	Multivariate modeling	2	2
57	8090211	Kỹ thuật số và điều khiển logic nâng cao	Advanced Digital and logic control	2	2
58	8090209	Điều khiển quá trình	Process Control	2	2
59	8010102	Toán tối ưu quá trình sản xuất	Optimization problems	2	2
60	8030102	Những công nghệ tiên tiến trong khai thác mỏ lộ thiên	Advanced technologies in surface mining	2	2
61	8030104	Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên	Increase of mineral quality in surface mining exploitation	2	2
62	8030112	Mô hình hóa môi trường trong khai thác mỏ	Environmental modeling in mining	2	2
63	8030205	Hoàn thiện sơ đồ mở vỉa và chuẩn bị ruộng mỏ	Completing the schemes of opening up and development of coal seam	2	2
64	8030209	Đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong khai thác mỏ hầm lò	Environmental impact assessment of mining projects	2	2
65	8030211	Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất trong khai thác mỏ hầm lò	Solutions in organizations of flux productions in underground mine	2	2
66	8040407	Khoáng tướng học	Technological Mineralography	2	2
67	8040701	Khoáng chất công nghiệp	Industrial minerals	2	2
68	8040311	Địa tầng phân tích và phương pháp nghiên cứu	Sequence stratigraphy and research method	2	2

6.2.2	Các chuyên đề NCKH			0	12
	8070131	Khoa học quản lý	Management science	0	3
	8070132	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research Methods in Economics	0	3
	8070133	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative Analysis in Economic Management	0	3
	8070134	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resources and Environmental Management	0	3
6.3	8070135	Đề án tốt nghiệp	Internship and Graduation Project or Master Thesis	15	
		Thực tập tốt nghiệp		6	
		Đề án tốt nghiệp		9	
	8070136	Luận văn tốt nghiệp			15
		Tổng		60	60

7. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (Chia làm 3 học kỳ đối với hình thức đào tạo chính quy và 4 học kỳ đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học)

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60TC)					Định hướng nghiên cứu (60TC)					Học kỳ
		Tên tiếng việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	BT	TH	TL	Tổng	LT	BT	TH	TL	
6.1	Nhóm các học phần bắt buộc			27					24					
6.1.1	<i>Các học phần học chung</i>			3					3					
1	7020101	Triết học	Phylosophy	3					3					1
6.1.2	<i>Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu</i>			24					21					
2	8070201	Quản lý chiến lược	Strategy management	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
3	8070301	Quản lý dự trữ hàng hóa	Commodity reserves management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			1
4	8070101	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative analysis in economic management	3	2,5	0,5								1 (ĐHU D)
5	8070302	Dự báo kinh tế	Economic Forecast	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			1

6	8070303	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao	Advanced project management for investment on construton	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
7	8070401	Tổ chức nguồn lực tài chính	Organizing Financial resources	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
8	8070404	Pháp luật kinh doanh	Business Law	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
9	8070104	Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế	Information system in Economic Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			1
10	8070102	Quản lý nhà nước về kinh tế	State Management of the Economy	3	2,5	0,5			2	1,5	0,5			2
6.2	Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH			18						22				
6.2.1	Các học phần tự chọn			18						10				
1	8070305	Các phương pháp thẩm định giá trị tài sản và doanh nghiệp	Methods for evaluating assets and corporate	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

			values											
2	8070103	Quản trị kinh doanh quốc tế	International business management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
3	8070402	Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường	Building structural capital of enterprises in market economy	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
4	8070202	Tâm lý học trong quản lý kinh tế	Psychology in Economics Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
5	8070306	Kỹ thuật Marketing nâng cao	Advanced Marketing Technique		1,5	0,5				1,5	0,5			2
6	8070410	Quản lý tài chính công	Public finance Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
7	8070307	Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế	Optimal problem in economic management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
8	8070204	Kinh tế học lao động	Labor economics	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

9	8070308	Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế	Enviromental Economics and Management	2	1,5	0,5								2 (ĐHU D)
10	8070304	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resource and environmental management	2	1,5	0,5								2 (ĐHU D)
11	8070203	Quản lý chi phí	Cost management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
12	8070411	Các định chế tài chính	The financial institutions	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
13	8070205	Quản lý sự thay đổi và khủng hoảng của các tổ chức	Organizations' Changes and Crisis Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
14	8070405	Quản lý Ngân sách Nhà nước	State budget Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
15	8070406	Quản lý Kho bạc Nhà nước	Management of the State Treasury	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
16	8070407	Quản lý Thuế	Tax management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
17	8070408	Quản lý tài sản công	Management of	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

			public assets											
18	8070409	Tiền tệ ngân hàng	Monetary banking	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
19	8070206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research Methods in Economics	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
20	8070309 (đề nghị BS mã mới)	Kinh tế học Biến đổi khí hậu	The Economics of Climate change	2	1,5	0,5								2 (ĐHU D)
21	8040201	Nghiên cứu và dự báo định lượng tài nguyên khoáng sản	Quantitative mineral resource assessments	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
22	8100107	Các biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng công trình ngầm	Methods to increase the effeciency of underground construction	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
23	8050605	Hệ thống quản lý biến động đất đai	System of land change updating management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
24	8040606	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất	Management and protection of underground water	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

25	8050706	Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch	Establishing and use map in tourism	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
26	8050705	Thành lập và sử dụng bản đồ trong lĩnh vực môi trường	Environmental mapping	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
27	8050703	Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ	Research methodology by map	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
28	8050305	Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo ảnh	Application of GNSS Technology for Photogrammetry	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
29	8050306	Kỹ thuật LIDAR	Lidar Technology	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
30	8050309	Mô hình số độ cao	Digital Elevation Model	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
31	8040508	Phương pháp đánh giá chất lượng và gia cố khối đá	Method of evaluation and reinforcement of rock mass	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
32	8040509	Sự cố công trình xây dựng và các giải pháp xử lý	Foundation failures, causes and counter measures	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

33	8090503	Quy hoạch thực nghiệm	Empirical planning	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
34	8090504	Độ tin cậy máy, thiết bị mỏ và dầu khí	The reliability of machine and mining equipment, oil and gas	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
35	8090507	Phương pháp vận tải bằng đường ống	Method of pipe transportation	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
36	8090512	Lý thuyết nâng cao trong nghiên cứu thiết kế máy, thiết bị mỏ và dầu khí	Advanced theory in the study designing for machines and equipment of mining and oil-gas fields	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
37	8060122	Ứng dụng địa vật lý trong khoáng sản và môi trường	Application of geophysical exploration for mineral resources and environment	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
38	8060120	Các thành tựu mới trong Địa chất - Địa vật lý Dầu khí và biển	Geology-Geophysics advances in petroleum and marine	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
39	8060315	Công nghệ mới trong	Advanced	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

		chế biến dầu khí	Technologies in Oil Refining and Gas Processing											
40	8060316	Kiểm soát môi trường trong công nghiệp dầu khí	Environment Control in Oil and Gas Industry	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
41	8060317	Nhiên liệu sạch	Clean Fuel Technology	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
42	8060314	Năng lượng xanh	Green Energy	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
43	8030407	Phát triển bền vững công nghiệp chế biến và sử dụng khoáng sản	Sustainable development of processing industry and the utilization of minerals	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
44	8030413	Xử lý quặng bằng phương pháp nhiệt	Theory of Pyrometallurgical processes	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
45	8030402	Kỹ thuật mới trong tuyển bằng phương pháp vật lý	Advances in Physical separation methods	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
46	8100104	Ổn định và bền vững công trình ngầm	Stability and sustainability of the underground construction	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

47	8100114	Bảo vệ môi trường trong xây dựng, sử dụng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt	Environmental protection in building and using underground, mining and special constructions	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
48	8100112	Quy hoạch mặt bằng và công trình bề mặt phục vụ cho xây dựng, sử dụng công trình ngầm	Site and construction planning surface in building and using underground construction	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
49	8100116	Những tiến bộ trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp lộ thiên	Advances in underground construction by open-cast methods	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
50	8030502	Một số phương pháp giải các bài toán biên	Some methods to resolving boundary problems	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
51	8090102	Tổ chức cung cấp điện	Electric power supply structuring	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
52	8090111	Quy hoạch và quản lý lưới điện	Power Grid Planning and	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

			Managing											
53	8090105	Kỹ thuật an toàn điện và phòng cháy nổ	Safety techniques to prevent electrical shock and explosion-proof underground mines	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
54	8090208	Tin học công nghiệp nâng cao	Industrial Informatics Advanced	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
55	8090311	Điện tử ứng dụng trong công nghiệp mỏ	Application of Electronic in Mining Industry	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
56	8090210	Mô hình hóa đối tượng nhiều biến	Multivariate modeling	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
57	8090211	Kỹ thuật số và điều khiển logic nâng cao	Advanced Digital and logic control	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
58	8090209	Điều khiển quá trình	Process Control	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
59	8010102	Toán tối ưu quá trình sản xuất	Optimization problems	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
60	8030102	Những công nghệ tiên tiến trong khai	Advanced technologies in	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

		thác mỏ lộ thiên	surface mining											
61	8030104	Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên	Increase of mineral quality in surface mining exploitation	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
62	8030112	Mô hình hóa môi trường trong khai thác mỏ	Environmental modeling in mining	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
63	8030205	Hoàn thiện sơ đồ mở vỉa và chuẩn bị ruộng mỏ	Completing the schemes of opening up and development of coal seam	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
64	8030209	Đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong khai thác mỏ hầm lò	Environmental impact assessment of mining projects	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
65	8030211	Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất trong khai thác mỏ hầm lò	Solutions in organizations of flux productions in underground mine	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
66	8040407	Khoáng tướng học	Technological Mineralography	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

[illegible]

		Đề án TN		9										
6.4	8070136	Luận văn tốt nghiệp							15					3
		Tổng		60					60					